

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Văn hoá – Nghệ Thuật – Thể dục thể thao; Chuyên ngành: Văn hoá

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HOÀNG CẦM

2. Ngày tháng năm sinh: 1/5/1973; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Huy Tân, Phù Yên, Sơn La

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 46, Ngõ 160, đường Lương Thế Vinh, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Nghiên cứu Văn hoá, 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0942352228; Email: hoangcamvn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 12 năm 1996 đến tháng 12 năm 2009: Cán bộ nghiên cứu, Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

- Từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 7 năm 2017: Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu Văn hoá và phát triển, Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

- Từ tháng 7 năm 2017 đến nay: Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Chức vụ hiện nay: Phó viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó viện trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 04-39784868

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Học viện Khoa học Xã hội
- Trường đại học Văn hoá Hà Nội
- Trường đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Viện Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam
- Trường đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Học viện Khoa học Xã hội
- Trường đại học Văn hoá Hà Nội
- Trường đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Viện Văn hoá Nghệ Thuật Quốc gia Việt Nam
- Trường đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 7 năm 1995; số văn bằng: A 92211; ngành: Dân tộc học, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 4 năm 2000; số văn bằng: 15219; ngành: Dân tộc học; chuyên ngành:.....; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 6 năm 2002; số văn bằng: ...; ngành: Nhân học; chuyên ngành: Nhân học văn hoá; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Washington, Seattle, Hoa Kỳ.
- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 8 năm 2009; số văn bằng:; ngành: Nhân học; chuyên ngành: Nhân học văn hoá; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Washington, Seattle, Hoa Kỳ
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học Viện Khoa học Xã Hội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hoá – Nghệ Thuật – Thể dục thể thao

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Vấn đề bảo vệ và phát huy di sản văn hoá phi vật thể ở Việt Nam đương đại

- Vai trò và giá trị của văn hoá tộc người trong phát triển bền vững

- Biến đổi văn hoá, sinh kế tộc người trong bối cảnh chuyển đổi

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **08** NCS bảo vệ thành công luận án TS (hướng dẫn chính 5 NCS và hướng dẫn phụ 3 NCS);

- Đã hướng dẫn **19** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **01** đề tài cấp cơ sở (CN); **04** đề tài cấp Bộ (CN 3 đề tài, thành viên nghiên cứu chủ chốt 1 đề tài); **05** đề tài cấp quốc gia (CN 1 đề tài, thành viên nghiên cứu chủ chốt của 4 đề tài).

- Đã công bố **31** bài báo khoa học, trong đó **09** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (**8** bài trong danh mục ISI, SCOPUS);

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **08** cuốn, trong đó **07** cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín quốc gia và **01** cuốn do nhà xuất bản uy tín thế giới xuất bản (viết một mình **01** chương);

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Có **03** công trình nghiên cứu được giải thưởng của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): **02**

- Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam: “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2018” (Số 58/QĐ – KHXH, ký ngày 16/5/2018).

- Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: “Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn 2010-2020 nhân dịp Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số lần thứ II năm 2020” (Số 01/QĐ-KT, ký ngày 27/11/2020).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU'

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với kinh nghiệm và thành tích trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong nhiều năm qua, tôi tự đánh giá là đáp ứng tốt các tiêu và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

- Tôi có phẩm chất chính trị và tư tưởng vững vàng, có đạo đức tốt, luôn giữ gìn phẩm chất, đạo đức, danh dự và uy tín của một nhà giáo và cán bộ nghiên cứu khoa học.

- Tôi có hơn 13 năm tham gia đào tạo sau đại học với tư cách là giảng viên thỉnh tại nhiều cơ sở giáo dục. Bên cạnh tham gia giảng dạy các môn về phương pháp luận trong nghiên cứu văn hoá, bao gồm môn Lý thuyết nghiên cứu văn hoá, Dân tộc học – nhân học và Phương pháp nghiên cứu văn hoá cho học viên cao học cho nhiều chương trình đào tạo sau đại học ngành văn hoá học, tôi còn tham gia hướng dẫn nhiều nghiên cứu sinh và học viên cao học tại Học viện Khoa học Xã hội và trường Đại học KHXH và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội). Được đào tạo chuyên môn bài bản, chuyên sâu tại nước ngoài về lĩnh vực nghiên cứu văn hoá, nội dung các bài giảng của tôi luôn đem đến cho học viên và nghiên cứu sinh nhiều lượng kiến thức lý về lý thuyết và phương pháp luận nghiên cứu văn hoá mới, cập nhật. Để công việc đào tạo đạt chất lượng tốt, tôi cũng thường xuyên nghiên cứu thực tế và gắn các

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước kết quả nghiên cứu thực tế ấy với việc giảng dạy và nâng cao chất lượng các bài giảng. Đối với việc hướng dẫn luận văn, luận án, tôi cũng dành nhiều thời gian để thảo luận, hướng dẫn cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu, khung lý thuyết tiếp cận cũng như phương pháp nghiên cứu phù hợp.

- Sau khi nhận bằng tiến sĩ, tôi đã triển khai nhiều dự án nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu được xuất bản thành các sách chuyên khảo, tham khảo và các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế và quốc gia. Nhiều sách chuyên khảo bài báo khoa học mà tôi xuất bản được sử dụng trong giảng dạy trong đào tạo sau đại học ngành Văn hoá học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 1 tháng (tính từ tháng 5 năm 2010).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ :

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019	3	1	1 ThS			45	45/247/135
2	2019-2020	2					97.2	97.2/163/135
3	2020-2021	2					145.5	145.5/211.5/135
03 năm học cuối								
4	2021-2022	3					67.5	67.5/199.5/135
5	2022-2023	3					296.5	296.5/428.5/135
6	2023-2024	3					90	90/222/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Hoa Kỳ năm 2002 (ThS) và năm 2009 (TS).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đặng Thiều Ngân	x			x	2010-2014	Học viện KHXH	2018
2	Lò Xuân Dừa	x		x		2011-2014	Học viện KHXH	2016
2	Nguyễn Tuệ Chi	x		x		2012-2015	Học viện KHXH	2016
3	Hà Văn Đức		x	x		7/2010- 1/2011	Học viện KHXH	2012
4	Phan Thục Linh		x	x		7/2010- 1/2011	Học viện KHXH	2012
5	Kiều Thị Bích Thủy		x	x		7/2010- 1/2011	Học viện KHXH	2012
7	Lê Trần Quyên		x	x		3/2011- 9/2011	Học viện KHXH	2012
8	Lê Thị Thu Thanh		x	x		3/2011- 9/2011	Học viện KHXH	2012
9	Nguyễn Thị Thu Hà		x	x		3/2011- 9/2011	Học viện KHXH	2012
10	Lê Thị Hồng Nhưng		x	x		10/2012- 4/2013	Học viện KHXH	2013
11	Bùi Đức Mậu		x	x		10/2012- 4/2013	Học viện KHXH	2013

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

12	Trần Thị Thuý Thuỷ		x	x		4/2013-10/2013	Học viện KHXH	2013
13	Trịnh Thanh Nguyệt		x	x		4/2013-10/2013	Học viện KHXH	2014
14	Quảng Văn Quý		x	x		4/2013-10/2013	Học viện KHXH	2013
15	Trần Thị Thanh Hải		x	x		9/2013-4/2013	Học viện KHXH	2014
16	Lư Thị Thanh Lê	x			x	2014-2018	ĐHKHXH & NV	2019
17	Lê Thuý Ngà		x	x		9/2014-4/2015	Học viện KHXH	2015
18	Nguyễn Hải Yên		x	x		9/2014-4/2015	Học viện KHXH	2015
19	Đàm Thị Hợp		x	x		8/2015-1/2016	Học viện KHXH	2015
20	Đinh Thuý Linh		x	x		8/2015-1/2016	Học viện KHXH	2016
21	Đào Xuân Quý		x	x		8/2015-1/2016	Học viện KHXH	2016
22	Nguyễn Thị Vân Anh	x		x		5/2015-2018	Học viện KHXH	2019
23	Nguyễn Thu Hằng	x		x		5/2016-2019	Học viện KHXH	2019
24	Trần Thị Lan	x			x	2016-2019	Học viện KHXH	2020
25	Nguyễn Thị Nhung		x	x		7/2016-12/2016	Học viện KHXH	2017
26	Tào Thị Tô Điềm		x	x		8/2018-2/2019	Học viện KHXH	2019
27	Đỗ Thị Thu Hà	x		x		11/2016-2019	Học viện KHXH	2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

T	T	Tên sách	Loại sách (CK, GT,	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ...	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
---	---	----------	--------------------	------------------------------	------------	----------	------------------------------	--

		TK, HD)				đến trang)	
I	Trước khi được công nhận TS						
	Không có						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Tái cấu trúc văn hoá vùng biên trong bối cảnh phát triển thương mại Việt Nam – Trung Quốc	CK	Nxb. Khoa học Xã hội, 2023; ISBN: 978-604-364-772-3	2	Đồng tác giả	Viết chung	236/QĐ-VHNTVN (ngày 21/6/2024); 15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024); 006/GXN-ĐHVH-TV (ngày 10/5/2024); 41 GXN-XHNV-TV (10/5/2024)
2	Via hè Hà Nội: Không gian đa chiều tương tác	CK	Nxb. Khoa học Xã hội, 2021; ISBN: 978-604-308-639-3	2	Đồng tác giả	Viết chung	235/QĐ-VHNTVN (21/6/2024); 15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024); 41 GXN-XHNV-TV (10/5/2024)
3	Văn hoá các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên: Truyền thống, biến đổi và các vấn đề đặt ra	CK	Nxb. Khoa học Xã hội, 2019; ISBN: 978-604-956-806-0	6	Đồng tác giả	Viết chung	234/QĐ-VHNTVN (21/6/2024); 15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024)
4	“Thiểu số cần tiến kịp đa số”: Định kiến trong quan hệ tộc người ở Việt Nam	CK	Nxb. Thế Giới, 2015 Số xác nhận ĐKXB: 4070-2015CXBIPH/04/12/2025	05	Đồng tác giả	Viết chung	15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024)
5	Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hoá – sinh kế tộc người	TK	Nxb. Thế Giới, 2011 Số xác nhận ĐKXB: 1301-2011/CXB/9-170/ThG	02	Đồng tác giả	Viết chung	15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024)
6	Xây dựng năng lực thiết kế, triển khai và đánh giá các dự án bảo vệ di sản văn	TK	Nxb. Lao Động, 2015 ISBN: 978-606-59-3824-9	04	Đồng tác giả	Viết chung	15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024)

	hoá phi vật thể						
7	Đa dạng văn hoá – Bài học từ các câu chuyện	TK	Nxb. Thế Giới, 2013 Số ĐKXB: 1732-2013/CXB/01-140/ThG	02	Đồng tác giả	Viết chung	15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024)
8	Upland transformation in Vietnam	CK	National University of Singapore Press, 2011 ISBN 978-9971-69-514-9	12	Đồng tác giả	Viết một mình chương 4: Tr. 92-114	15/GXN-HVKHXH (ngày 21/6/2024)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:

- Sách chuyên khảo do nhà xuất bản uy tín xuất bản mà ứng viên là tác giả, đồng tác giả: 05, theo số thứ tự: [01], [02]; [03]; [04]; [8]
- Chương sách do nhà xuất bản uy tín thế giới xuất bản mà ứng viên là tác giả: 01, số thứ tự [08].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... Đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
	Không có				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Một số lý thuyết nghiên cứu văn hoá và các hướng tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam	Đồng CN	Cấp bộ, Mã số; CT 11-17-03 Số 55, ngày 5/1/2011	01/2011-12/2012	Nghiệm thu ngày 31/1/2013 Khá
2	Tư hữu hoá tài sản công: Chính sách giao rừng và các hệ quả không mong đợi	CN	Cấp cơ sở 4/3/2013	3-2013-12/2013	Nghiệm thu ngày 8/12/2013

3	Vai trò của văn hoá và lối sống trong phát triển bền vững Tây Nguyên	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Nhà nước, MS.TN3/X04	11/2012-11/2015	15/9/2015 Xuất sắc
4	Điều tra thực trạng các di sản văn hoá phi vật thể Việt Nam được UNESCO vinh danh	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Cấp Bộ	2016-2017	Nghiệm thu ngày 8/2/2018; Số ĐK kết quả thực hiện NVKH: 2018-62-345/KQNC
5	Diễn ngôn phát triển, chuyển đổi sinh kế và biến đổi văn hoá ở người Cơ Ho và Ê Đê, Tây Nguyên	CN	Cấp Bộ, số 20/HĐKH-KLXXH, 3/1/2017	01/2017-12-2018	Nghiệm thu ngày 14/4/2019 Xuất sắc
6	Tái cấu trúc văn hoá của cư dân vùng biên trong bối cảnh phát triển thương mại Việt Nam – Trung Quốc	Thành viên Nghiên cứu chủ chốt	Cấp quốc gia (NAFOSTED) 602.07-2019.04	2019-2020	Nghiệm thu ngày 5/11/2021; số ĐK kết quả thực hiện NVKH: 2021-62-1736/KQNC
7	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động văn hoá trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Cấp Quốc gia; MS: 21/HĐ-KHCN- NTM	2021-2022	Nghiệm thu ngày 18/2/2022; Số ĐK kết quả thực hiện đề tài: 2022-02-0471/NS-KQNC
8	Vũ trụ quan sinh thái và vấn đề tồn tại bền vững ở người Thái vùng Tây Bắc Việt Nam	CN	Cấp Quốc gia (NAFOSTED) 602.08-2020.04	6/2020-2023	Nghiệm thu ngày 29/2/2024; 2024-62-0658/NS-KQNC.
9	Văn hoá của các cộng đồng cư dân biển đảo ở Việt Nam hiện nay	CN	Cấp bộ 35/HĐKH-KHXXH, ngày 1/6/2022	6/2022-5/2024	31/5/2024 Khá
10	Hiểu về mối quan hệ di sản và phát triển ở Việt Nam từ góc tiếp cận đa chiều	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Đề tài Hợp tác song phương cấp quốc gia Số 61/QĐ-HĐQL-NAFOSTED	2022-2024	Đang triển khai

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Hình tượng động vật trên sản phẩm dệt Thái	1	x	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN: 0866-7284			Số 4 (56), tr. 80-84	1996
2	Ritual and natural resource management: A case study of the Tai in Mai Châu, Hoa Binh province, Vietnam	1	x	Tai Culture: International Review of Tai Cultural Studies ISSN: 1431-1240		Google Scholar (4)	Vol 4. No. 2, tr. 48-63	1999
3	Tài sản và sở hữu tài sản trong luật tục Ê Đê	1	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Luật tục và phát triển nông thôn ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia. GPXB: 26-312/CXB-QLXB, cấp ngày 3/4/2000.			Tr. 692-703	2000
4	Từ sự thất bại của vụ ba, suy nghĩ về tầm quan trọng của tri thức địa phương trong canh tác nông nghiệp của người Thái	1	x	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN: 0866-7284			Số 3 (117), tr. 45-56	2008
II	Sau khi được công nhận TS							
5	Vai trò của môi trường thực hành văn hoá trong việc bảo tồn di sản: Bài	4	x	Kỷ yếu HTQT “Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại (trường hợp Hội Gióng), Nxb.			Tr. 475-498	2012

	học từ các dự án bảo tồn di sản công chiêng và nhã nhạc			Văn hoá Thông tin, ĐKKHXB: 364-212/CXB/04-40/VHTT.				
6	Sáng tạo truyền thống, nghiên cứu trường hợp giỗ tổ Hùng Vương vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm	2	x	Kỉ yếu hội thảo quốc tế: “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương trong xã hội đương đại: Nghiên cứu trường hợp thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam” Nxb. Văn hoá Thông tin, ĐKKHXB: 832-2013/CXB/01-84/VHTT			Tr. 874-886	2013
7	“Một con cá rơi vào giỏ cua”: Thách thức và chiến lược mưu sinh của người dân nhập cư tự phát ở Tây Nguyên	2	x	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN: 0866-7284			Số 6 (150), Tr. 19-30	2013
8	Du lịch văn hoá và vấn đề bảo vệ, phát huy di sản ở người Lạch, Lạc Dương, Lâm Đồng	1	x	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN: 0866-7284			Số 4 (154), Tr.3-13.	2014
9	Bảo tồn và phát huy di sản trong quá trình hiện đại hoá: Nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương (Phú Thọ), Hội Gióng (Hà Nội), tháp Bà Poh Nagar (Khánh Hoà) và văn hoá công chiêng của người Lạch (Lâm Đồng)	4	x	Di sản văn hoá trong xã hội Việt Nam đương đại, Nxb. Tri Thức QĐXB số: QĐKL- NXB TrT 3/12/2014.			Tr. 11-79	2014
10	REDD+ on the rocks? Conflict Over Forest and Politics of	2	x	Human Ecology, ISSN: 0300-7839	ISI (SSCI), IF = 2.3, Q1.	Google Scholar (47)	Vol. 44, Tr. 217-227.	2016

	Justice in Vietnam			DOI: https://doi.org/10.1007/s10745-016-9821-1				
11	Từ sinh kế sinh tồn sang kinh tế thị trường: Hiện trạng và thách thức của một số tộc người thiểu số ở Tây Nguyên	2	x	Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn, ISSN: 2354-1172			Tập 3, số 4, Tr. 416-429	2017
12	“Phong tục của mình nó sai sai”: Diễn ngôn phát triển, định kiến tộc người và thực hành văn hoá của người Êđê, Tây Nguyên	2	x	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN: 0866-7284			Số 5 (179), Tr. 3-12	2018
13	This is my garden”: Justice claims and struggles over forests in Vietnam’s REDD+	3	x	Climate Policy ISSN: 14693062, 17527457 DOI: https://doi.org/10.1080/14693062.2018.1527202	ISI (SSCI), IF: 7.1; Q1	Google Scholar (53)	Vol. 19, Sub 1, tr. S23-s35	2019
14	Công ước 2003 của UNESCO, tính cộng đồng của Xoè Thái và vấn đề bảo vệ di sản trong quá trình di sản hoá	2	x	Tạp chí Văn hoá học ISSN: 1859-4859			Số 6 (46), Tr.12-24	2019
15	Vũ trụ quan Thái qua mo đăm ma	1	x	Tạp chí Văn hoá dân gian ISSN: 0866-7284			Số 2 (182), Tr. 16-21	2019
16	Bất đồng về đất đai và tính chính trị của công lý ở một thung lũng vùng	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá Việt Nam ISSN: 0866-7284			Số 3 (183), Tr. 78-91	2019

	người Thái Tây Bắc Việt Nam							
17	Imposing legality: hegemony and resistance under the EU Forest Law Enforcement, Governance, and Trade (FLEGT) initiative	7		Journal of Political Ecology ISSN: 1073-0451 DOI: https://doi.org/10.2458/v27i1.23208	ISI (ESCI), IF: 3.4, Q1	Google Scholar (25)	Vol. 27, N0.1, tr. 125-149	2020
18	Một số khía cạnh văn hóa - xã hội của ẩm thực Thái Mường Tắc	1	x	Văn hóa Việt Nam đương đại: Đa dạng biểu đạt và tương tác, NXB. Khoa học xã hội, 2020. ISBN: 978-604-308-137-4			Tr. 146-162	2020
19	Vấn đề bảo vệ, phát huy di sản văn hoá phi vật thể của Việt Nam được UNESCO ghi danh	3	x	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: “Bảo vệ và phát huy di sản văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam: Thực tiễn ở Sơn La và một số địa phương khác. Nxb. Chính trị quốc gia sự thật. ISBN: 978-604-57-7374-1			Tr. 13-35	2021
20	Căn tính tộc người và bản sắc người vùng biên trong hoạt động sinh kế xuyên quốc gia vùng biên giới Việt – Trung ở Lào Cai	1	x	Tạp chí Văn hoá học ISSN: 1859-4859			Số 2, tr. 69-78	2021
21	Làm ăn kiên cố”: Giao đất giao rừng, nông nghiệp thị trường và vấn đề hưởng dụng đất đai ở người Mông Đắc Nông hiện nay,	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá Việt Nam ISSN: 0866-7284			Số 2 (201), tr.3-18	2022

22	Di sản văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay	2	x	Tạp chí Cộng sản ISSN: 2734-9071			993, tr. 64-71	2022
23	REDD+ piloting and wider forest governance: Meso-level dynamics in Vietnam	4		DEV Reports and Policy, The School of International Development, University of East Anglia, UK https://devresearch.uea.ac.uk/publication-series/ ISSN: 1756-7904			Papers Series 23, Tr. 1-24	2022
24	Văn hoá của cư dân biên – đảo Việt Nam: Góc nhìn từ thực hành tín ngưỡng tôn giáo của cư dân đảo Lý Sơn	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam ISSN: 0866-7284			Số 3 (207) Tr. 3-14	2023
25	Bản thể luận vật linh của người Thái trong các chiều tương tác đương đại	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam ISSN: 3030-4121			Số 6 (210), Tr.13-25	2023
26	Cross-border trade as a form of livelihood: Transformations of business activities in Vietnam's Northern borderlands	3		Russian Journal of Vietnamese Studies ISSN: 2618-9453 DOI: https://doi.org/10.54631/VJVS.2023.74-624971	ISI (ESCI), IF; 0.3		Vol. 7, No. 4, tr. 37-49.	2023
27	“We Know Only our Po Then Luang”: Heritagization, Religious Inculturation and Resistance	1	x	Magic, Ritual, and Witchcraft ISSN: 1556-8547/ 1940-5111 DOI: https://doi.org/10.1353/mrw.2023.a918941 .	ISI (A&HCI), Q2.		Issue 18, No. 2, tr. 283-306	2023

	in Post - đổi mới Vietnam							
28	Logistics and Legitimation: Religious Pluralism in the Bà Tower, Nha Trang City, Việt Nam	2	x	Magic, Ritual, and Witchcraft ISSN: 1556-8547/ 1940-5111 DOI: https://doi.org/10.1353/mrw.2023.a918938 .	ISI (A&HCI), Q2.		Issue 18, No. 2 (Fall 2023), Tr. 213-236.	2023
29	Animist cosmology and socio-cultural practices among the Thái in Vietnam: Beyond Superstition	1	x	Journal of the Siam Society ISSN: 0304-226X – 2651-1851 https://so06.tci-thaijo.org/index.php/pub_jss/article/view/266949	SCOPUS Q.2		Vol. 111, Part. 2, tr. 213-232	2023
30	"Cào qua, lấp lại": Chiến lược và hoạt động sinh kế của người dân vùng đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá Việt Nam ISSN: 3030-4121			Số 2 (212), tr.3-17	2024
31	Remembering Oscar Salemink's contributions to the development of anthropology and cultural studies in Vietnam	2	x	Journal of Vietnamese Studies ISSN: 1559-3738 - 1559-372X DOI: https://doi.org/10.1525/vs.2024.19.2.129	ISI (ESCI), Q3.		Vol.19, Issue 2, tr. 131- 150	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 07 bài, theo số thứ tự [2], [10], [13], [27], [28], [29], [31].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
1	/	/	/	/	/	/	/

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	/	/	/	/	/

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): 03

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Mo đám ma của người Thái Mường Tấc (Phù Yên, Sơn La)	Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam	82, ngày 10/1/2001	Giải Khuyến khích	01
2	Sự biến đổi văn hoá tộc người Thái ở Tây Bắc trong thời kỳ đổi mới	Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam	23/VNDG-2010, ngày 22/12/2010	Giải Nhì B	5
3	Văn hoá các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên: Truyền thống, biến đổi và các vấn đề đặt ra.	Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam	09 – VNDG - 2015	Giải Nhì B	8

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	/	/	/	/	/	/

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Hoàng Cẩm